

DANH MỤC

Tài liệu ôn tập xét tuyển vòng 2: Vấn đáp, tại kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập năm 2024 trên địa bàn huyện Lấp (Vị trí dự tuyển: Nhân viên)

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /9/2024
của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

I. KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP

- Luật Viên chức năm 2010 (điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V).
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (điều 2).
- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.
- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán.
- Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.
- Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

II. KẾ TOÁN VIÊN

- Luật Viên chức năm 2010 (điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V).
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (điều 2).
- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.
- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán.
- Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.
- Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh

nghe nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

III. NHÂN VIÊN GIÁO VỤ

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.

4. Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.

5. Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

6. Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

7. Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập (*được áp dụng Thông tư này để thực hiện*).

IV. NHÂN VIÊN THƯ VIỆN HẠNG IV

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.

4. Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện.

5. Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

6. Thông tư 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

V. NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

4. Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

5. *Có tài liệu ôn tập dành riêng cho vị trí nhân viên thiết bị đính kèm.*

VI. NHÂN VIÊN THIẾT BỊ, THÍ NGHIỆM

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

6. Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

7. *Có tài liệu ôn tập dành riêng cho vị trí nhân viên thiết bị, thí nghiệm đính kèm.*

VII. CHUYÊN VIÊN QUẢN TRỊ CÔNG SỞ

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

VIII. CHUYÊN VIÊN HÀNH CHÍNH – VĂN PHÒNG

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

6. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ Quy định về công tác Văn thư.

IX. ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VIÊN HẠNG III

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

4. Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018.

5. Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định một số điều của luật đo đạc và bản đồ.

6. Thông tư liên tịch Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ tại Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTNMT ngày 30/8/2023 Bộ tài nguyên môi trường; (*hợp nhất Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 và Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022*).

7. Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai (*Điều 14*).

X. ĐỊA CHÍNH VIÊN HẠNG III

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Luật Đất đai năm 2023.

4. Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai.

5. Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

6. Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

7. Thông tư liên tịch Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính tại Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BTNMT ngày 30/8/2023 Bộ tài nguyên môi trường; (*hợp nhất Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 và Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022*).

XI. BIÊN TẬP VIÊN HẠNG III

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Luật Báo chí năm 2016.

4. Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

5. Thông tư số 06/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung phát thanh, truyền hình thể thao, giải trí theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình

6. Thông tư 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của bộ trưởng bộ Thông tin Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

XII. HƯỚNG DẪN VIÊN VĂN HÓA HẠNG III

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5. Nghị định số 39/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

6. Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

7. Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

XIII. KHUYẾN NÔNG VIÊN HẠNG III

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4. Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

5. Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng.

6. Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

XIV. NHÂN VIÊN Y TẾ HỌC ĐƯỜNG

1. Luật Viên chức năm 2010 (*điều 2, điều 3, điều 4, điều 5, điều 6 chương I; Chương II; mục 6 Chương III; Chương V*).

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019 (*điều 2*).

3. Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009.

4. Thông tư 07/2014/TT-BYT ngày 25/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.

5. Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

6. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ.

7. Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học trong các cơ sở giáo dục./.